



Ninh Bình, ngày 01 tháng 7 năm 2021

## BÁO CÁO

### **Kết quả khảo sát ý kiến của sinh viên trước khi tốt nghiệp về chất lượng đào tạo**

Thực hiện kế hoạch số 77/KH-DHHL ngày 04/5/2021 Đại học Hoa Lu về việc lấy ý kiến của sinh viên trước khi tốt nghiệp về chất lượng đào tạo, phòng Đào tạo & QLKH đã triển khai khảo sát lấy ý kiến của sinh viên trước khi tốt nghiệp về chất lượng đào tạo. Kết quả đạt được như sau:

#### **1. Nội dung và đối tượng khảo sát**

##### **1.1. Nội dung khảo sát**

Nội dung khảo sát ý kiến sinh viên trước khi tốt nghiệp bao gồm:

- Đánh giá chương trình đào tạo: gồm các nội dung từ 1-12 (mục tiêu đào tạo, khả năng đáp ứng chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ được đào tạo, cấu trúc, nội dung).

- Đánh giá hoạt động đào tạo và hỗ trợ: gồm các nội dung từ 13-32 (thông tin đào tạo, tổ chức dạy học, chất lượng đội ngũ giảng viên, hiệu quả phương pháp dạy – học, kiểm tra, đánh giá, đội ngũ hỗ trợ).

- Đánh giá về cơ sở vật chất phục vụ quá trình học tập: gồm các nội dung từ 33-45 (phòng học lý thuyết, thực hành, thư viện, sân chơi, bãi tập thể dục thể thao, trang thiết bị hỗ trợ học tập, nghiên cứu khoa học).

- Tự đánh giá về thái độ, kiến thức và kỹ năng sau quá trình học tập: gồm các nội dung từ 46-53 (nhận thức nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp xã hội, trình độ ngoại ngữ, tin học).

##### **1.2. Đối tượng khảo sát**

Sinh viên cuối khóa trường Đại học Hoa Lu

##### **a. Sinh viên Đại học chính quy**

- Ngành Giáo dục tiểu học: 65 sinh viên (D10TH)
- Ngành Giáo dục mầm non: 68 sinh viên (D10MN)
- Ngành Kế toán: 46 sinh viên (D10KT)
- Ngành Quản trị kinh doanh: 11 sinh viên (D10QTKD)
- Ngành Việt Nam học: 10 sinh viên (D10VNH)

##### **b. Sinh viên Liên thông chính quy**

- Ngành Giáo dục tiểu học: 94 sinh viên (D8LTTH)
- Ngành Giáo dục mầm non: 23 sinh viên (D8LTMN)
- Ngành Kế toán: 7 sinh viên (D8LTKT)

## c. Sinh viên Cao đẳng

- Ngành Giáo dục tiểu học: 8 sinh viên (C25TH)

**2. Công cụ khảo sát, tiêu chí đánh giá xếp loại**

Phiếu khảo sát thực hiện trực tiếp qua Google Forms <https://forms.gle/CUBdnffCBpdtTgvX7> sử dụng thang đo Likert 05 mức độ:

- Rất không đồng ý (tương ứng với 1 điểm).
- Không đồng ý (tương ứng với 2 điểm).
- Đồng ý một phần (tương ứng với 3 điểm).
- Đồng ý (tương ứng với 4 điểm).
- Hoàn toàn đồng ý (tương ứng với 5 điểm).

Ý kiến phản hồi của sinh viên được thu thập và tổng hợp trên file excel, sử dụng phần mềm SPSS để xử lý, phân tích và thống kê số liệu.

Điểm trung bình chung được tính:

$$m = \frac{\sum_{i=1}^5 a_i \cdot n_i}{\sum_{i=1}^5 n_i}$$

Trong đó:

- m: trung bình chung
- $a_i$ : điểm đánh giá
- n: số sinh viên đánh giá

Số liệu được xử lý và lưu trữ tại Phòng Đào tạo – Quản lý khoa học.

Mẫu phiếu khảo sát (*Phụ lục 1*)

Thống kê thông tin, số liệu khảo sát (*Phụ lục 2*)

Sau khi xử lý số liệu thống kê, kết quả được phân loại như sau:

TT	Trung bình chung	Mức ý kiến phản hồi	Hoạt động tiếp theo
1.	4.2 – 5.0	Rất tốt	Tiếp tục duy trì và phát triển
2.	3.5 – 4.1	Tốt	Hoàn thiện, nâng cao hơn nữa
3.	2.7 – 3.4	Khá	Cải tiến để nâng cao chất lượng đào tạo
4.	2.0 – 2.6	Trung bình	Xây dựng kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo
5.	1.0 – 1.9	Kém	Cần khắc phục ngay và nhanh chóng có kế hoạch hoàn thiện và nâng cao chất lượng đào tạo

### 3. Kết quả khảo sát

#### 3.1. Thông tin chung về đối tượng khảo sát

TT	Khoa	Tổng số SV năm cuối	Tổng số SV trước khi tốt nghiệp tham gia khảo sát	Tỷ lệ %
1.	Kinh tế - Kỹ thuật	64	60	93.8
2.	Xã hội – Du lịch	258	214	82.9
3.	Tiểu học – Mầm non	10	8	80.0
<b>Tổng cộng</b>		<b>332</b>	<b>282</b>	<b>84.9</b>

TT	Ngành	Tổng số SV năm cuối	Tổng số SV trước khi tốt nghiệp tham gia khảo sát	Tỷ lệ %
1.	Giáo dục tiểu học	167	146	87.4
2.	Giáo dục mầm non	91	68	74.7
3.	Kế toán	53	51	96.2
4.	Quản trị kinh doanh	11	9	81.8
5.	Việt Nam học	10	8	80.0
<b>Tổng cộng</b>		<b>332</b>	<b>282</b>	<b>84.9</b>

Nhà trường đã thực hiện khảo sát ý kiến của 289 sinh viên trên tổng số 332 sinh viên năm cuối sắp tốt nghiệp, đạt 84.9%.

#### 3.2. Nội dung khảo sát

**Bảng 1: Đánh giá chương trình đào tạo**

Nội dung	Rất không đồng ý		Không đồng ý		Đồng ý một phần		Đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Điểm TB
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	
1. Chương trình đào tạo có mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng	8	2.8	1	0.4	7	2.5	117	41.5	149	52.8	4.4
2. Chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ đào tạo	6	2.1	2	0.7	5	1.8	126	44.7	143	50.7	4.4

3. Nội dung, cấu trúc chương trình đào tạo cân đối giữa kiến thức giáo dục đại cương và kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	5	1.8	2	0.7	5	1.8	131	46.5	139	49.3	4.4
4. Nội dung chương trình đào tạo có tỷ lệ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành	6	2.1	3	1.1	11	3.9	133	47.2	129	45.7	4.3
5. Nội dung chương trình đào tạo được cập nhật, đổi mới	6	2.1	2	0.7	6	2.1	123	43.6	145	51.4	4.4
6. Nội dung các học phần có tính định hướng nghề nghiệp rõ ràng	6	2.1	2	0.7	8	2.8	129	45.7	137	48.6	4.4
7. Số lượng các học phần tự chọn đủ lớn và có tính định hướng chuyên môn sâu	7	2.5	2	0.7	9	3.2	124	44.0	140	49.6	4.4
8. Chương trình đào tạo có các học phần hỗ trợ sinh viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học	6	2.1	2	0.7	9	3.2	142	50.4	123	43.6	4.3
9. Các học phần về thực tập, thực tế chuyên môn, rèn nghiệp vụ trong chương trình phù hợp, hiệu quả	6	2.1	3	1.1	10	3.5	126	44.7	137	48.6	4.4

10. Số lượng học phần, số lượng tín chỉ của học phần trong chương trình đào tạo là phù hợp	5	1.8	2	0.7	10	3.5	124	44.0	141	50.0	4.4
11. Thời gian đào tạo của chương trình là phù hợp	6	2.1	1	0.4	5	1.8	134	47.5	136	48.2	4.4
12. Chương trình đào tạo có phương pháp kiểm tra, đánh giá hợp lý	7	2.5	2	0.7	5	1.8	124	44.0	144	51.1	4.4

- So với khảo sát năm học 2019-2020, khảo sát năm học 2020-2021 bổ sung thêm các nội dung số 2, 5, 6, 7, 8, 9.

- Các tiêu chí đánh giá chương trình đào tạo đều có điểm trung bình đạt mức rất tốt (4.3 và 4.4) tiếp tục duy trì và phát triển.

- Các tiêu chí đều có tỉ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý cao như: chương trình đào tạo có phương pháp kiểm tra, đánh giá hợp lý; Thời gian đào tạo của chương trình là phù hợp; Nội dung chương trình đào tạo được cập nhật, đổi mới; Chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ đào tạo...

- Cần xem xét một số tiêu chí có trên 15 sinh viên chỉ đồng ý một phần, không đồng ý và rất không đồng ý: Số lượng học phần, số lượng tín chỉ của học phần trong chương trình đào tạo là phù hợp; Các học phần về thực tập, thực tế chuyên môn, rèn nghiệp vụ trong chương trình phù hợp, hiệu quả; Chương trình đào tạo có các học phần hỗ trợ sinh viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học; Số lượng các học phần tự chọn đủ lớn và có tính định hướng chuyên môn sâu; Nội dung các học phần có tính định hướng nghề nghiệp rõ ràng; Chương trình đào tạo có mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng.

**Bảng 2: Đánh giá hoạt động đào tạo và hỗ trợ đào tạo**

Nội dung	Rất không đồng ý		Không đồng ý		Đồng ý một phần		Đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Điểm TB
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	
13. Các thông tin liên quan tới quá trình đào tạo được cung cấp đầy đủ kịp thời (các quy chế, quy định về quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên)	6	2.1	1	0.4	8	2.8	128	45.4	139	49.3	4.4
14. Sinh viên có thể tiếp cận dễ dàng với bản mô tả chương trình đào tạo, đề cương các học phần (được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau)	4	1.4	2	0.7	3	1.1	132	46.8	141	50.0	4.4
15. Nhà trường phổ biến sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu đào tạo đến người học bằng nhiều hình thức khác nhau	4	1.4	2	0.7	7	2.5	134	47.5	135	47.9	4.4
16. Phương thức tổ chức đào tạo của Trường có tính linh hoạt, phù hợp, tạo thuận lợi cho người học	6	2.1	1	0.4	9	3.2	125	44.3	141	50.0	4.4

17. Đội ngũ giảng viên có kiến thức chuyên môn vững vàng và có tính cập nhật	5	1.8	2	0.7	6	2.1	119	42.2	150	53.2	4.4
18. Giảng viên áp dụng phương pháp dạy - học theo hướng khuyến khích người học phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm	6	2.1	1	0.4	7	2.5	122	43.3	146	51.8	4.4
19. Giảng viên nhiệt tình, sẵn sàng giúp đỡ sinh viên trong học tập và nghiên cứu khoa học	4	1.4	3	1.1	8	2.8	110	39.0	157	55.7	4.5
20. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá được công khai	7	2.5	2	0.7	5	1.8	114	40.4	151	53.5	4.4
21. Quy trình kiểm tra, đánh giá đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan	5	1.8	2	0.7	4	1.4	123	43.6	148	52.5	4.4
22. Kết quả học được đánh giá bằng nhiều hình thức phù hợp với đặc thù môn học	5	1.8	2	0.7	6	2.1	119	42.2	150	53.2	4.4
23. Kết quả kiểm tra, đánh giá chính xác công bằng	7	2.5	1	0.4	6	2.1	126	44.7	142	50.4	4.4

24. Kết quả kiểm tra, đánh giá được thông báo đúng quy định	7	2.5	1	0.4	5	1.8	118	41.8	151	53.5	4.4
25. Trường hợp có khiếu nại được giải quyết thỏa đáng	6	2.1	2	0.7	4	1.4	128	45.4	142	50.4	4.4
26. Đội ngũ cố vấn học tập am hiểu về quy định, quy chế liên quan đến sinh viên	5	1.8	1	0.4	3	1.1	117	41.5	156	55.3	4.5
27. Đội ngũ cố vấn học tập nhiệt tình, sẵn sàng tư vấn, hỗ trợ sinh viên	5	1.8	2	0.7	5	1.8	108	38.3	162	57.4	4.5
28. Đội ngũ giáo vụ Khoa/Bộ môn nhiệt tình, sẵn sàng tư vấn, hỗ trợ sinh viên	6	2.1	1	0.4	9	3.2	115	40.8	151	53.5	4.4
29. Nhân viên các phòng chức năng am hiểu về quy định, quy chế liên quan đến sinh viên, sẵn sàng tư vấn, hỗ trợ sinh viên	7	2.5	1	0.4	7	2.5	125	44.3	142	50.4	4.4
30. Việc xét duyệt cấp học bổng cho sinh viên được thực hiện công bằng	6	2.1	1	0.4	6	2.1	131	46.5	138	48.9	4.4
31. Các hoạt động ngoại khóa tổ chức đáp ứng nhu cầu sinh viên, hỗ trợ tốt sinh viên	6	2.1	1	0.4	9	3.2	125	44.3	141	50.0	4.4

trong học tập, rèn luyện												
32. Công tác chăm sóc sức khỏe đáp ứng nhu cầu của sinh viên	5	1.8	1	0.4	10	3.5	128	45.4	138	48.9	4.4	

- So với khảo sát năm học 2019-2020, khảo sát năm nay ở mảng Hoạt động đào tạo và hỗ trợ đào tạo có bổ sung thêm một số nội dung 13, 14, 15, 16, 25, 30, 31, 32.

- Các tiêu chí đánh giá Hoạt động đào tạo và hỗ trợ đào tạo đều có điểm trung bình đạt mức rất tốt (4.4, 4.5)

- Hoạt động đào tạo và hỗ trợ đào tạo trên 90% sinh viên đánh giá cao các nội dung: Kết quả kiểm tra, đánh giá được thông báo đúng quy định; Kết quả kiểm tra, đánh giá chính xác công bằng; Kết quả học được đánh giá bằng nhiều hình thức phù hợp với đặc thù môn học; Quy trình kiểm tra, đánh giá đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan; Kế hoạch kiểm tra, đánh giá được công khai; Giảng viên nhiệt tình, sẵn sàng giúp đỡ sinh viên trong học tập và nghiên cứu khoa học; Giảng viên áp dụng phương pháp dạy - học theo hướng khuyến khích người học phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm; Đội ngũ giảng viên có kiến thức chuyên môn vững vàng và có tính cập nhật; Nhà trường phổ biến sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu đào tạo đến người học bằng nhiều hình thức khác nhau; Sinh viên có thể tiếp cận dễ dàng với bản mô tả chương trình đào tạo, đề cương các học phần (được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau); Các thông tin liên quan tới quá trình đào tạo được cung cấp đầy đủ kịp thời (các quy chế, quy định về quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên)

- Tuy nhiên cần xem xét đến các ý kiến đồng ý một phần, không đồng ý và rất không đồng ý của sinh viên trong một số tiêu chí: Công tác chăm sóc sức khỏe đáp ứng nhu cầu của sinh viên; Các hoạt động ngoại khóa tổ chức đáp ứng nhu cầu sinh viên, hỗ trợ tốt sinh viên trong học tập, rèn luyện,... Để đáp ứng nhu cầu của sinh viên trung tâm y tế có kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh viên, Đoàn thanh niên phát động nhiều hoạt động ngoại khóa để thu hút sinh viên tham gia. Có trên 15 sinh viên đồng ý một phần, không đồng ý và rất không đồng ý ở các tiêu chí: Nhân viên các phòng chức năng am hiểu về quy định, quy chế liên quan đến sinh viên, sẵn sàng tư vấn, hỗ trợ sinh viên; Đội ngũ giáo vụ Khoa/Bộ môn nhiệt tình, sẵn sàng tư vấn, hỗ trợ sinh viên. Do vậy, đội ngũ giảng viên, cán bộ chuyên viên cần có thái độ đúng mực khi giao tiếp với người học, tìm hiểu và nắm vững các quy định, quy chế liên quan đến người học để kịp thời trả lời và tư vấn.

**Bảng 3: Đánh giá cơ sở vật chất phục vụ quá trình học tập**

Nội dung	Rất không đồng ý		Không đồng ý		Đồng ý một phần		Đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Điểm TB
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	
33. Phòng học lý thuyết đủ chỗ ngồi cho sinh viên	6	2.1	0	0.0	6	2.1	120	42.6	150	53.2	4.4
34. Phòng học lý thuyết được trang bị các thiết bị hỗ trợ cần thiết cho giảng dạy và học tập	7	2.5	4	1.4	18	6.4	116	41.1	137	48.6	4.3
35. Hệ thống máy tính, máy chiếu, mạng, wifi,... hỗ trợ hiệu quả nhu cầu học tập, nghiên cứu khoa học của sinh viên	8	2.8	6	2.1	27	9.6	112	39.7	129	45.7	4.2
36. Nhà trường có đầy đủ phòng thực hành để sinh viên thực hành và rèn luyện kỹ năng	7	2.5	4	1.4	20	7.1	118	41.8	133	47.2	4.3
37. Phòng thực hành có đủ chỗ cho sinh viên trong giờ thực hành	4	1.4	5	1.8	19	6.7	123	43.6	131	46.5	4.3
38. Thư viện có đủ giáo trình và tài liệu tham khảo đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên	5	1.8	4	1.4	26	9.2	123	43.6	124	44.0	4.3

39. Môi trường sinh hoạt trong khuôn viên trường an toàn, thân thiện, sạch sẽ, văn minh	8	2.8	2	0.7	12	4.3	122	43.3	138	48.9	4.3
40. Thời gian phục vụ người học của thư viện hợp lý	5	1.8	1	0.4	12	4.3	130	46.1	134	47.5	4.4
41. Phòng đọc của thư viện thoáng mát, đủ ánh sáng, đáp ứng yêu cầu về diện tích, chỗ ngồi	6	2.1	0	0.0	12	4.3	128	45.4	136	48.2	4.4
42. Có thể dễ dàng truy cập dữ liệu trên thư viện điện tử	6	2.1	3	1.1	10	3.5	127	45.0	136	48.2	4.4
43. Cơ sở dữ liệu của thư viện điện tử thường xuyên được cập nhật	5	1.8	0	0.0	13	4.6	122	43.3	142	50.4	4.4
44. Cán bộ phục vụ của thư viện sẵn sàng tư vấn, hướng dẫn cho độc giả trong quá trình mượn – trả sách	6	2.1	4	1.4	13	4.6	125	44.3	134	47.5	4.3
45. Nhà trường có đủ sân chơi, bãi tập thể dục thể thao cho sinh viên sinh hoạt	4	1.4	2	0.7	10	3.5	122	43.3	144	51.1	4.4

- So với nội dung khảo sát năm học 2019-2020, khảo sát năm nay đã bổ sung thêm một số nội dung chi tiết để đánh giá cụ thể cơ sở vật chất phục vụ quá trình học tập trong các tiêu chí số 33, 34, 38, 41, 42, 43, 44.

- Điểm trung bình đánh giá các tiêu chí đạt mức độ rất tốt (4.2-4.4)

- Mặc dù tỉ lệ sinh viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý khi đánh giá cơ sở vật chất phục vụ quá trình học tập (trên 90%) nhưng đến 10.3% sinh viên chỉ đồng ý một phần, không đồng ý, rất không đồng ý ở một số tiêu chí: Cán bộ phục vụ của thư viện sẵn sàng tư vấn, hướng dẫn cho độc giả trong quá trình mượn – trả sách; Thư viện có đủ giáo trình và tài liệu tham khảo đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên; Phòng thực hành có đủ chỗ cho sinh viên trong giờ thực hành; Nhà trường có đầy đủ phòng thực hành để sinh viên thực hành và rèn luyện kỹ năng; Phòng học lý thuyết được trang bị các thiết bị hỗ trợ cần thiết cho giảng dạy và học tập; Hệ thống máy tính, máy chiếu, mạng, wifi,... hỗ trợ hiệu quả nhu cầu học tập, nghiên cứu khoa học của sinh viên; Phòng học lý thuyết được trang bị các thiết bị hỗ trợ cần thiết cho giảng dạy và học tập.

**Bảng 4: Đánh giá về thái độ, kiến thức và kỹ năng sau quá trình học tập**

Nội dung	Rất không đồng ý		Không đồng ý		Đồng ý một phần		Đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Điểm TB
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	
46. Sinh viên có sức khỏe, phẩm chất đạo đức của người lao động đáp ứng yêu cầu của thị trường	5	1.8	0	0	6	2.1	119	42.2	152	53.9	4.5
47. Nhận thức ngành nghề của sinh viên tốt	5	1.8	0	0	7	2.5	120	42.6	150	53.2	4.5
48. Sinh viên tự tin về kiến thức chuyên môn của mình	4	1.4	0	0	18	6.4	121	42.9	139	49.3	4.4
49. Sinh viên cảm thấy tự tin trong giao tiếp xã hội	3	1.1	1	0.4	13	4.6	120	42.6	145	51.4	4.4
50. Sinh viên có trình độ ngoại ngữ đáp ứng công việc chuyên môn sau này	6	2.1	0	0.0	34	12.1	133	47.2	109	38.7	4.2
51. Sinh viên có trình độ tin học đáp ứng công	5	1.8	0	0.0	16	5.7	132	46.8	129	45.7	4.3

việc chuyên môn sau này												
52. Sinh viên có kỹ năng mềm (tìm kiếm việc làm và tuyển dụng, làm việc nhóm, kiểm soát cảm xúc, quản lý thời gian,...) đáp ứng công việc sau này.	5	1.8	0	0.0	13	4.6	138	48.9	126	44.7	4.3	
53. Sẵn sàng tư vấn cho người thân vào học trong trường này	3	1.1	1	0.4	13	4.6	126	44.7	139	49.3	4.4	

- Điểm trung bình đánh giá các tiêu chí đạt mức độ rất tốt (4.2-4.5)

- Trên 95% sinh viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý với các tiêu chí tự đánh giá về thái độ, kiến thức và kỹ năng sau quá trình học tập cho thấy sự tự tin về các kỹ năng mềm (kỹ năng tin học, ngoại ngữ, giao tiếp, làm việc nhóm, kiểm soát cảm xúc, quản lý thời gian,...)

- Còn 8% sinh viên được khảo sát chưa tự tin về kiến thức chuyên môn của mình.

#### **4. Đánh giá chung và kiến nghị, đề xuất**

##### **4.1. Đánh giá chung**

\* Ưu điểm:

- Số sinh viên năm cuối tham gia đánh giá phản hồi về khóa học đạt 84.9%

- Ý kiến về phía chương trình đào tạo: Các ngành cơ bản đáp ứng được yêu cầu đề ra. Hầu hết các chương trình đào tạo được sinh viên đánh giá mức cao, đáp ứng được mục tiêu đào tạo và phù hợp với nhu cầu xã hội.

- Đánh giá về đội ngũ giảng viên: Hầu hết các giảng viên được đánh giá ở mức cao, có trình độ chuyên môn tốt, đảm bảo giờ lên lớp và thực hiện nghiêm túc kế hoạch giảng dạy, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng khuyến khích người học phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm.

- Về tổ chức và quản lý phục vụ đào tạo: Sinh viên được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo, được tổ chức học tập khoa học.

- Về kiểm tra đánh giá: Các kỳ thi được tổ chức nghiêm túc, khách quan. Các hình thức thi, kiểm tra đánh giá phù hợp với nội dung của từng học phần. Kết quả học tập được thông báo kịp thời tới sinh viên dưới nhiều hình thức.

- Về cơ sở vật chất: Cơ sở vật chất của Nhà trường đã đáp ứng được nhu cầu học tập và vui chơi giải trí của sinh viên, có đủ trang thiết bị cho sinh viên thực hành, nghiên cứu khoa học.

- Hầu hết các sinh viên thuộc các chương trình đào tạo của các Khoa được khảo sát đều cho ý kiến phản hồi là đồng ý với chất lượng đào tạo của Nhà trường.

\* *Tồn tại*

- Một số ý kiến sinh viên cho rằng các phòng chức năng giải quyết vấn đề của sinh viên chậm.

- Có ý kiến của sinh viên cho rằng: hệ thống wifi, máy chiếu, máy tính của nhà trường cần được cải tiến, số lượng sách giáo trình cần bổ sung thêm để đáp ứng nhu cầu của sinh viên, sửa chữa cơ sở vật chất hư hỏng như quạt, các thiết bị trong phòng thực hành (đàn, múa, mỹ thuật).

#### **4.2. Đề xuất, kiến nghị.**

Đề nghị các Khoa thông báo rộng rãi tới toàn thể sinh viên nắm được mục đích của việc khảo sát này.

Đề nghị phòng Đào tạo – QLKH xem xét các ý kiến phản đánh giá khảo sát chương trình đào tạo của sinh viên đề xuất Hội đồng khoa học Nhà trường có những thay đổi chương trình đào tạo cho phù hợp.

Đề nghị phòng Hành chính quản trị xem xét sửa chữa quạt, cơ sở vật chất, nâng cấp các phòng thực hành thí nghiệm trong nhà trường để đáp ứng chương trình đào tạo.

Tiếp tục duy trì công tác này và triển khai lấy ý kiến phản hồi rộng rãi tới tất cả các sinh viên trước khi tốt nghiệp.

Trên đây là kết quả khảo sát và ý kiến phản hồi của sinh viên khóa D10, C25, LT8 trước khi tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Nhà trường. Các đơn vị và cá nhân căn cứ vào kết quả khảo sát để có kế hoạch cải tiến chất lượng đạo cho năm học 2021-2022./.

#### **Nơi nhận:**

- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Các đơn vị;
- Lưu: ĐT-QLKH.

**TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO - QLKH**



**Dương Trọng Luyện**